

Số: 16/QĐ-THĐG

Đức Giang, ngày 26 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai số liệu dự toán thu – chi ngân sách Nhà nước năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐỨC GIANG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ công văn số 210/UBND-TCKH ngày 23/02/2016 về việc thực hiện công khai tài chính, ngân sách, tài sản, đầu tư XD cơ bản;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 7688/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế-xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 của quận Long Biên;

Căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 của đơn vị;

Căn cứ dự toán năm 2021 đã được Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Long Biên phê duyệt ngày 25/01/2021;

Xét đề nghị của kế toán trưởng Tiểu học Đức Giang

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu – chi ngân sách Nhà nước năm 2021 của trường Tiểu học Đức Giang (theo biểu 02 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hiệu trưởng trường Tiểu học Đức Giang, Phòng tài vụ và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH Quận;
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Phan Thị Xuân Thu

Số: 06/TB-THĐG

Đức Giang, ngày 26 tháng 01 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai số liệu dự toán thu – chi ngân sách Nhà nước năm 2021

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ công văn số 210/UBND-TCKH ngày 23/02/2016 về việc thực hiện công khai tài chính, ngân sách, tài sản, đầu tư XD cơ bản;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 7688/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế-xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 của quận Long Biên;

Căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 của đơn vị;

Căn cứ dự toán năm 2021 đã được Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Long Biên phê duyệt ngày 25/01/2021;

Căn cứ quyết định số: 16 /QĐ-THĐG ngày 26/01/2021 v/v công bố công khai số liệu dự toán thu – chi ngân sách năm 2021 của hiệu trưởng trường Tiểu học Đức Giang;

- **Bộ phận thực hiện niêm yết công khai:** Hiệu trưởng, kế toán, TBTND.
- **Địa điểm niêm yết:** Phòng Hội đồng trường Tiểu học Đức Giang; Webside điện tử.
- **Thời gian niêm yết:** Từ ngày 26/01/2021 đến hết ngày 26/4/2021
- **Thời gian nhận ý kiến phản hồi:** Từ ngày 26/01/2021 đến hết ngày 26/4/2021
- **Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi:** Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc qua hòm thư của nhà trường.
- **Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc:** chậm nhất là 29/04/2021

HIỆU TRƯỞNG



Phan Thị Xuân Thu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI

Số liệu dự toán thu – chi ngân sách Nhà nước năm 2021

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ công văn số 210/UBND-TCKH ngày 23/02/2016 về việc thực hiện công khai tài chính, ngân sách, tài sản, đầu tư XD cơ bản;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 7688/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế-xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 của quận Long Biên;

Căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 của đơn vị;

Căn cứ dự toán năm 2021 đã được Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Long Biên phê duyệt ngày 25/01/2021;

Căn cứ quyết định số: /QĐ-THĐG ngày 26/01/2021 v/v công bố công khai số liệu dự toán thu – chi ngân sách năm 2021 của hiệu trưởng trường Tiểu học Đức Giang;

Hôm nay, vào hồi 08h00 ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại: Phòng Hội đồng trường Tiểu học Đức Giang.

Thành phần gồm có:

- | | |
|-------------------------|--------------------------|
| 1. Bà Phan Thị Xuân Thu | Chức vụ: Hiệu trưởng |
| 2. Bà Hà Thị Ánh Tuyến | Chức vụ: Trưởng ban TTND |
| 3. Bà Mai Thị Mẫn | Chức vụ: Kế toán |

Có sự chứng kiến của:

Ông (Bà): Nguyễn Thị Thu Hằng	Chức vụ: Thủ quỹ, Thư kí HĐ
-------------------------------	-----------------------------



Đã tiến hành niêm yết công khai số liệu “*Dự toán thu – chi ngân sách Nhà nước năm 2021*”.

Thời gian niêm yết: Từ ngày 26/01/2021 đến hết ngày 26/4/2021

Địa điểm niêm yết: Phòng Hội đồng trường Tiểu học Đức Giang; Webside điện tử.

Biên bản lập xong vào hồi 9 giờ 00 ngày 26 tháng 01 năm 2021, đã được thông qua các thành phần cùng nghe và nhất trí.

BỘ PHẬN NIÊM YẾT NGƯỜI CHỨNG KIẾN

HIỆU TRƯỞNG



Hà Thị Ánh Tuyến

Nguyễn Thị Thu Hằng

Phan Thị Xuân Thu

Mai Thị Mẫn



DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch Quận Long Biên;
Kho bạc Nhà nước Quận Long Biên.

Căn cứ quyết định số 7668/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND Quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - Xã hội và Dự toán thu, chi ngân sách của quận Long Biên năm 2021;
Căn cứ vào chế độ, định mức, quy chế chi tiêu nội bộ tại đơn vị;
Đơn vị trường Tiểu học Đức Giang lập dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2021 như sau:

MỤC	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021	GHI CHÚ
	CHI TỪ NSNN CẤP 2021	6.026.800	
A	10% TIẾT KIỆM CHI TX THỰC HIỆN CCTL	192.000	
6000	Tiền lương	110.090	
6100	Phụ cấp lương	52.581	
6300	Các khoản đóng góp	29.329	
B	KINH PHÍ GIAO TỰ CHỦ	5.834.800	
I	KINH PHÍ THỰC HIỆN QUỸ TIỀN LƯƠNG NĂM 2021	4.031.647	
6000	Tiền lương	2.239.232	
6100	Phụ cấp lương	1.183.015	
6300	Các khoản đóng góp	609.400	
II	KINH PHÍ THỰC HIỆN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2021	1.803.153	
6100	Phụ cấp lương	99.368	
6250	Phúc lợi tập thể	6.600	
6300	Các khoản đóng góp	29.308	
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	280.000	
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	210.000	
6550	Vật tư văn phòng	87.600	
6600	Thông tin truyền truyền liên lạc:	62.584	
6650	Hội nghị	13.000	
6700	Công tác phí	14.400	
6750	Chi phí thuê mướn	605.723	
6900	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ	90.700	
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	50.750	
7050	Mua sắm tài sản vô hình	23.000	
7750	Chi khác	22.040	
7950	Chi lập các quỹ	208.080	

Số tiền bằng chữ: Sáu tỷ không trăm hai mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH QUẬN LONG BIÊN

KẾ TOÁN

Ngày 24 tháng 01 năm 2021

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH



CHỖ TRƯỞNG PHÒNG
Trần Thanh Nam

Mai Thị Mẫn



HIỆU TRƯỞNG
Phan Thị Xuân Thu

THUYẾT MINH DỰ TOÁN NĂM 2021

MỤC	TIÊU MỤC	NỘI DUNG	DỰ TOÁN GIAO
A. 10% TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYÊN TH CCTL			192.000
6000		Tiền lương ngạch bậc theo quỹ lương được duyệt	110.090
	6001	Tiền lương ngạch bậc: $154,217 \times 2,5T \times 280$	110.090
6100		Phụ cấp lương	52.581
	6101	Phụ cấp chức vụ:	1.456
		1 Hiệu trưởng + 2 hiệu phó: $1,3 \times 5T \times 280$	1.456
	6112	Phụ cấp ưu đãi nghề: $50,63705 \times 2,5T \times 280$	35.608
	6113	Phụ cấp trách nhiệm: kế toán, thư viện: $0,3 \times 5T \times 280$	420
	6115	Thâm niên nghề giáo, PCTNVK: $26,9597 \times 2T \times 280$	15.097
6300		Các khoản đóng góp	29.329
	6301	BHXH: $(154,217 + 1,3 + 26,9597) \times 280 \times 17\%$	21.529
	6302	Bảo hiểm y tế: $(154,217 + 1,3 + 26,9597) \times 280 \times 3\%$	4.000
	6303	2% Kinh phí công đoàn: $(154,217 + 1,3 + 26,9597) \times 280 \times 2\%$	2.533
	6304	1% BHTN, BHTNNN: $(154,217 + 1,3 + 26,9597) \times 280 \times 1\%$	1.266
	6349	0,5% BHTNNN: $(154,217 + 1,3 + 26,9597) \times 280 \times 0,5\%$	633
B. KINH PHÍ GIAO TỰ CHỦ			5.834.800
I. THỰC HIỆN QUỸ TIỀN LƯƠNG NĂM 2021			4.031.647
6000		Tiền lương ngạch bậc theo quỹ lương được duyệt	2.239.232
	6001	Tiền lương ngạch bậc: $154,217 \times 12T \times 1210$	2.239.232
6100		Phụ cấp lương	1.183.015
	6101	Phụ cấp chức vụ:	18.876
		1 Hiệu trưởng + 2 hiệu phó: $1,3 \times 12T \times 1210$	18.876
	6112	Phụ cấp ưu đãi nghề: $50,63705 \times 12T \times 1210$	735.250
	6113	Phụ cấp trách nhiệm: kế toán, thư viện: $0,3 \times 12T \times 1210$	4.356
	6115	Thâm niên nghề giáo, PCTNVK: $26,9597 \times 12T \times 1210$	391.456
6300		Các khoản đóng góp	609.400
	6301	BHXH: $(154,217 + 1,3 + 26,9597) \times 1,210 \times 17\%$	450.426
	6302	Bảo hiểm y tế: $(154,217 + 1,3 + 26,9597) \times 1210 \times 3\%$	79.487
	6303	2% Kinh phí công đoàn: $(154,217 + 1,3 + 26,9597) \times 1210 \times 2\%$	52.991
	6304	1% BHTN: $(154,217 + 1,3 + 26,9597) \times 1210 \times 1\%$	26.496
	6349	0,5% BHTNNN: $(154,217 + 1,3 + 26,9597) \times 1210 \times 0,5\%$	13.248
II. THỰC HIỆN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2021			1.803.153
6300		Các khoản đóng góp	29.308
	6301	BHXH: TM 6757 $(1,86 \times 5GV \times 1490) \times 17\%$	21.201
	6302	Bảo hiểm y tế: TM 6757 $(1,86 \times 5GV \times 1490) \times 3\%$	3.741
	6303	Kinh phí công đoàn: TM 6757 $(1,86 \times 5GV \times 1490) \times 2\%$	2.494
	6304	BHTN: TM 6757 $(1,86 \times 5GV \times 1490) \times 1\%$	1.247
	6349	BHTNNN: TM 6757 $(1,86 \times 5GV \times 1490) \times 0,5\%$	624
6100		Phụ cấp lương	99.368
	6105	Phụ cấp làm thêm giờ	35.000

		<i>Số tiết thực tế làm thêm giờ x tổng quỹ lương x số tiết thực tế/tháng x 150% x 12T</i>	35.000
	6149	Phụ cấp khác	64.368
		<i>Phụ cấp ngoài trời: 14.900đ/tiết x (30tiết/ tuần x 35 tuần) x 2 người</i>	31.290
		<i>Phụ cấp kiêm nhiệm: Tổ trưởng,TPCM (7 tổ trưởng x 0,2 + 3 tổ phó x 0,15) x 12T x 1490</i>	33.078
6250		Phúc lợi tập thể	6.600
	6299	Nước uống bình phục vụ giáo viên: (10b x55 x12T)	6.600
6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	280.000
	6404	Chi chênh lệch thu nhập thực tế so với lương ngạch bậc, chức vụ	280.000
6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	210.000
	6501	Tiền điện: (12.000 x 10tháng)	120.000
	6502	Tiền nước sạch: 6.000x 12T	72.000
	6504	Tiền vệ sinh môi trường: (2.000 x 9T)	18.000
6550		Vật tư văn phòng	87.600
	6551	Văn phòng phẩm: Giấy in, bút, sổ, ghim, cặp lá, túi khuy,.....	18.000
	6552	Đồ dùng văn phòng:	10.000
		<i>Ấm điện, cốc chén, đồ trang trí.....,Bảng biểu, khung giá,biển lớp , biển hiệu...</i>	10.000
	6553	Khoản văn phòng phẩm: (41GV x 300 x 2 kỳ)	24.600
	6599	Vật tư văn phòng khác:	35.000
		<i>Mua đồ dùng vệ sinh, giấy vệ sinh, các vật rẻ tiền mau hỏng,...</i>	10.000
		<i>Vật tư văn phòng khác:</i>	25.000
6600		Thông tin- tuyên truyền- liên lạc:	62.584
	6601	Tiền cước điện thoại trong nước: 100 x12T ; Thuê bao đường điện thoại: 22 x 1 máy x 12T	1.464
	6605	Cước phí internet: 880 x 12t x 2 đường truyền	21.120
	6608	Sách báo, tạp chí, thư viện	40.000
		<i>Đặt mua báo : gồm báo Hà nội mới, GD thời đại, tạp chí giáo dục, toán tuổi thơ, báo phụ nữ, báo an ninh ...2.500/1quí x 4quí</i>	10.000
		<i>Mua sách, truyện,... cho hoạt động thư viện: 15.000 x 2 đợt</i>	30.000
6650		Hội nghị	13.000
		Gồm 5 HN; khai giảng, sơ kết, tổng kết, 20-11, hội nghị CCVC	
	6657	Thuê trang phục biểu diễn, trang trí ...;3500/1HN x 2HN	7.000
	6699	Chi khác; Gồm hoa tươi, ... ; 2.000/ 1 hội nghị x 3HN	6.000
6700		Công tác phí	14.400
	6704	Khoản công tác phí: theo Điều 8 - chương II Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017	
		- Kế toán, văn phòng: 300 x 2 người x 12T	7.200
		- Giáo viên tập huấn theo điều động cấp trên (chỉ theo mức khoán 0,2l/xăng/1km)	7.200
6750		Chi phí thuê mướn	605.723
	6751	Thuê phương tiện:	20.000
		Thuê Máy photocopy: 1.000 x 10T	10.000
		Thuê xe đưa đón HS tham dự các hội thi: 2.500 x 2 lần	5.000
		Thuê xe chở HS tham quan di tích lịch sử, viếng đài thương binh, liệt sĩ: 2.500x 6 xe)	15.000
	6757	Thuê lao động trong nước	524.823
		- Bảo vệ: (03 người x 4.420 + 01 người x 4.620) x 12T	214.560
		- Lao công trong năm học: (1ng x 4.700 + 2 người x 4.500) x 9T	85.700
		- Lao công trong hè: (1ng x 2.350 + 2 người x 2.250) x 3T	15.850
		- Chăm sóc cây: 1ng x 2.500 x 12T	30.000
		- Giáo viên TPT, cơ bản: (5 gv x 1,86 x 1490 x 9t)	124.713
		* Giáo viên hợp đồng	

		- Chi HĐ giáo viên thực hiện công tác chuyên môn: thực hiện dạy theo tiết 03 GV x 50.000đ/tiết x số tiết thực tế (tạm tính là 120t/t) x 9 tháng	54.000
	6799	Thuê mượn khác:	60.900
		Thuê đạo diễn văn nghệ : 10.000/1HN x 1 HN (trong đó bao gồm chi phí dàn dựng chương trình, biên đạo múa, thu thanh, làm nhạc, làm đĩa,.....)	10.000
		Thuê trang phục biểu diễn, trang trí ...	7.500
		Thuê tháo lắp phòng dù phục vụ các hoạt động ngoài trời: 1.000 x 5 đợt	5.000
		Thuê thông tắc vệ sinh, cống rãnh thoát nước 1 năm 1 lần (mỗi lần 15,000), Khám sức khỏe học sinh năm học 2020 - 2021 (1.170hs x 20.000đ/hs)	38.400
6900		Sửa chữa thường xuyên TSCĐ	90.700
	6912	Thiết bị tin học:	75.700
		Bảo dưỡng, vệ sinh máy tính: 50 x 50 MT phòng máy x 9 tháng	22.500
		50 x 28 MT lớp học x 9 tháng	12.600
		50 x 13MT phòng ban làm việc hành chính (HT,HP,VP,KT,...)x 12 tháng	7.800
		Bảo dưỡng máy in: 50 x 13 máy x 12 tháng	7.800
		Mua linh kiện sửa chữa máy tính, máy chiếu TB 5.000 x 2 kỳ/1 năm	10.000
	6921	Đường điện, cấp thoát nước:	15.000
7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	50.750
	7001	Hàng hoá phục vụ chuyên môn:	9.800
		Đồ mực máy in : 300 x 6T	1.800
		Tranh ảnh, băng đĩa, đồ dùng giảng dạy;	8.000
	7004	Mua trang phục cho GV thể dục: 02 người x 4 bộ/năm x 1.000/b	8.000
		bảo vệ, lao công: 7 người x 1 bộ/ năm x 400/b	2.800
	7049	Chi khác:	32.950
		- Tổ chức các chuyên đề hội giảng: 1.000 x 3 chuyên đề	3.000
		- Chi GV trực tiếp thi GVG Quận, TP(1.000 x 1 tiết x 2GV) BGH phụ trách (500 x 2 tiết x 2gv)	4.000
		- Chi cho GV, nhân viên phục vụ thi GVG Quận, TP, giao lưu HSG, luyện tập thi HSGQ, TP;Thi CNTT, Đồ dùng dạy học (TB 50 x 10 người x 5 buổi x 3lần)	7.500
		- Chi GV tổ chức KHPĐ cấp trường, GVAN dàn dựng văn nghệ các ngày lễ, vẽ tranh,... 300/ng x 2 hoạt động x 4ng	2.400
		* Tập huấn	
		- CNTT: Người trực tiếp tham gia: 50.000đ/ng x 10b x 40ng	4.800
		- Tập huấn bảo vệ: 700 x 4ng x 2 lần	5.600
		- Tập huấn phòng cháy chữa cháy BV: 700 x 4 x 1 lần	2.800
		- Tập huấn công tác phòng cháy chữa cháy GV: 50 x 57ng	2.850
7050		Mua sắm tài sản vô hình	23.000
	7053	Bảo trì phần mềm cổng thông tin điện tử	10.000
	7053	Bảo trì phần mềm QLHS, BHXH	6.000
	7053	Bảo trì phần mềm quản lý tài sản	2.000
	7053	Bảo trì phần mềm KT Misa	5.000
7750		Chi khác	22.040
	7799	Chi các khoản khác (Chi tiếp khách, mua hoa, cây cảnh phòng hội đồng, cây bổ sung bồn hoa, ngày tết, cắt tỉa cây trang trí khung cảnh sư phạm; Mua nước uống, bánh sữa bồi dưỡng học sinh tập luyện, thi đấu các kì cuộc như HKPD, Sơ kết, tổng kết, tiếng hát GV, thầy và trò,... các hoạt động khác)	22.040
7950		Chi lập các quỹ:	208.080
	7952	Chi lập quỹ phúc lợi:	167.600
		- Kỷ niệm các ngày lễ lớn:	

		Ngày 20/10; Giỗ tổ 10/3; ngày 8/3; 30/4-1/5 và ngày 2/9: - GV- NV hợp đồng: 150 x 15 x 5 - GV - NV biên chế: 300 x 44 x 5	77.250
		Tết dương lịch: - GV- NV hợp đồng: 200 x 15 - GV - NV biên chế: 500 x 44	25.000
		Tết nguyên đán, 20/11: - NV hợp đồng: 300 x 8 - GV hợp đồng: 500 x 7 - GV - NV biên chế: 1.000 x 44	49.900
		Khám sức khỏe kỳ cho GV - CNV 1 lần / năm - GV- NV hợp đồng: 150 x 15 - GV - NV biên chế: 300 x 44	15.450
	7953	Chi lập quỹ khen thưởng	40.480
		* Chi CBGV đạt thành tích trong năm học	
		- Chi GV tham gia hội thi tiếng hát CBQL, GV nhất: 500/giải; Nhì 300/giải; Ba 200/giải	2.300
		- Giáo viên hoàn thành XSNV tháng: 12 người x 200/ng	2.400
		- GVNVHTXS NV : 0,3 x mức lương cơ sở / người x 37 người + GVNV HT tốt NV: 0,15 x mức lương cơ sở x 7 người	17.880
		- GV giỏi cấp trường: Giỏi 100/ng x 38 người; Khá 50/ng x 6	4.100
		- GV giỏi cấp Quận: Nhất 300/ng x 2ng; Nhì 200/ng x 2	1.000
		- GV có HSG, DTT cấp quận: (1-2hs x 100 + 3-5hs x 200) x 6	1.800
		- GV có HS giỏi cấp TP: 2500 x 2ng	5.000
		- GV có HS giỏi cấp Quốc gia: 3000 x 2ng	6.000
		- GV có HS giỏi cấp Quốc tế: 5000 x 2ng	10.000
		TỔNG CỘNG	6.026.800

Long Biên, ngày 24 tháng 1 năm 2021

KẾ TOÁN


Mai Thị Mẫn



Phan Thị Xuân Thu